

Bản án số: 585/2023/HS-PT

Ngày: 23-8-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Mạnh Cường

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Từ ngày 16/8 đến ngày 23/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 685/2022/TLPT-HS ngày 03/10/2022, đối với bị cáo Hàn Thị Thu H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1173/2023/QĐPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Hàn Thị Thu H**; Giới tính: Nữ; sinh năm 1972, tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: 9 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Nơi kinh doanh: Công ty TNHH T8 (áp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp); Con ông Hàn Thế D, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1953; Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ nhất; Chồng là Vũ Tuấn A, sinh năm 1970 (đã chết); Có 01 con sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 18/10/2019; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đcó mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Trịnh Bá T và Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hàn Thị Thu H từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Đồng Tháp để mua bán gạo vào khoảng tháng 7 năm 2017. Ban đầu bị cáo H đến kho Vân Nam ở thành phố S, sau đó thì đến kho Xuân Xuân V ở huyện L mua gạo của các tiểu thương với tư cách cá nhân rồi vận chuyển ra các tỉnh phía Bắc như Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa...bán lại. Sau một thời gian mua bán gạo ở Đồng Tháp, nhận thấy việc mua bán ở đây dễ dàng và để thu mua được gạo với số lượng lớn thì phải thành lập Công ty nên bị cáo H thuê kho Long Hải của Công ty cổ phần T9 rồi làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty để các tiểu thương tin tưởng vào khả năng tài chính của bị cáo. Cụ thể:

Bị cáo H đứng ra tổ chức thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 (gọi tắt là Công ty T8) và được Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 12/10/2017 với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có buôn bán gạo, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, do ông Vũ Tuấn H2 (con ruột của bị cáo) góp 08 tỷ đồng và ông Hàn Trúc L (chú ruột của bị cáo) góp 02 tỷ đồng, địa điểm kinh doanh là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhưng thực chất bị cáo H biết rõ ông H2 và ông L không có góp vốn, chỉ là vốn ảo, còn địa điểm kinh doanh thì bị cáo H thuê kho Long Hải của Công ty Cổ phần T9 nhưng trong quá trình giao dịch mua gạo bị cáo đều nói với bị hại là mua kho L4 với giá 28 tỷ đồng nên các bị hại tin tưởng bán gạo cho bị cáo theo hình thức giao gạo trước nhận tiền sau.

Quá trình đứng ra tổ chức thành lập Công ty, bị cáo Thu H không trực tiếp đứng tên Giám đốc Công ty - Đại diện pháp nhân mà nhờ ông H3 Trúc Long đứng tên Giám đốc thay cho bị cáo, thực chất công việc của ông L được bị cáo thuê làm là quản lý kho, theo dõi nhập gạo mua vào và xuất bán ra tại Công ty với mức lương 06 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, bị cáo còn thuê thêm Lê Thị Lệ H4 (vợ của ông L) làm thủ quỹ, nấu cơm với mức lương 05 triệu đồng/tháng, Huỳnh Trung T1 làm Kế toán, Phan Minh T2 làm Kế toán (sau khi T1 nghỉ việc), Phan Văn T3 làm kỹ thuật máy, Trần Quốc H5 làm nhiệm vụ kiểm tra gạo mua vào và xuất kho, Kiều Minh Q làm pháp chế, Trần Đức S làm quản lý. Còn bị cáo H4 đứng phía sau trực tiếp điều hành tất cả mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, quyết định việc mua bán gạo và thanh toán tiền cho khách hàng.

Quá trình hoạt động kinh doanh, bị cáo Thu H có trực tiếp đến Công ty T8 vài lần để điều hành mua bán gạo, sau đó bị cáo không có mặt tại Công ty để điều hành mua bán gạo mà điều hành từ xa bằng điện thoại di động của bị cáo có số thuê bao là 0906.211.072. Thời gian đầu, bị cáo Thu H giao cho Phan Văn T3 đứng ra mua gạo và mua bằng tiền mặt, không nợ. Thời gian sau, bị cáo Thu H giao cho Lê H4 đứng ra mua, khi mua phải báo cho bị cáo Thu H biết.

Trong thời gian Lê H4 đứng ra mua gạo, thời gian đầu mua bằng tiền mặt, thời gian sau thì bị cáo Thu H chỉ đạo Lê H4 mua gạo nợ của ông Sầm Văn P, Nguyễn Hoàng L1 và những người khác. Khi mua gạo nợ Lê H4 phải ghi số lượng gạo và giá tiền trên “Phiếu mua hàng” của Công ty, đồng thời phải báo cáo cho bị cáo Thu H biết.

Khi mua gạo nợ, bị cáo H hẹn trong thời gian từ 03 đến 10 ngày sau sẽ thanh toán đủ, đồng thời mua cao hơn giá thị trường từ 50đồng đến 200đồng/1kg, nên có nhiều người vì tin tưởng vào năng lực tài chính của Công ty nên đem gạo đến bán cho bị cáo Thu H thông qua bà Lê H4 hoặc thông qua “cò gạo”. Sau khi mua gạo, bị cáo H4 chỉ trả cho mỗi khách hàng một số tiền nhất định, số tiền còn lại không thanh toán, có nhiều trường hợp bị cáo không thanh toán cho họ đồng nào.

Toàn bộ số gạo mua được, bị cáo Thu H thuê phương tiện (xe ô tô tải) vận chuyển ra các tỉnh phía Bắc bán cho Doanh nghiệp của bà Hà Thị Ân ở tỉnh Quảng Bình, vừa gạo Chiến Oanh của bà Cao Thị O ở tỉnh Nghệ An và Công ty S3 của ông Nguyễn Công H6 ở tỉnh Thanh Hóa. Bên mua đã thanh toán đầy đủ tiền mua gạo cho bị cáo Thu H, nhưng bị cáo không thanh toán tiền mua gạo cho những tiểu thương ở Đồng Tháp mà bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh và nơi cư trú, thay đổi số điện thoại để trốn tránh trách nhiệm. Ngoài ra, bị cáo H còn tạm ứng trước tiền bán gạo, cám và mua bao chứa gạo của người khác nhưng không giao hàng và thanh toán tiền cho họ.

Sau khi tiếp nhận đơn tố cáo của các tiểu thương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã nhiều lần gửi giấy mời và thông báo truy tìm Thu Hiền trên phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình ANTV, VTV9, B, B1 nhưng bị cáo không đến Cơ quan điều tra để làm việc, nên ngày 09/9/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam bị can H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 18/10/2019 Cơ quan điều tra mới bắt được Thu H, khi đang lẩn trốn ở thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, chứng minh được bị cáo H đã có ý thức chiếm đoạt tài sản ngay từ đầu (từ khi thành lập Công ty như đã nêu trên) nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định thay đổi tội danh đối với bị cáo Hiền từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Kết quả điều tra đã chứng minh được, từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, bị cáo H đã mua gạo của 26 người với số tiền 20.736.654.730 đồng và mua bao chứa gạo của 01 người với số tiền 94.950.000 đồng nhưng không thanh toán, tạm ứng tiền bán cám và gạo của 02 người với số tiền 1.284.700.000 đồng nhưng không giao hàng. Tổng cộng bị cáo H đã chiếm đoạt của 29 người với số tiền 22.116.304.730 (hai mươi hai tỷ một trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm ba mươi) đồng không có khả năng khắc phục hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể như sau:

- **Hành vi thứ 1:** Ngay sau khi thành lập Công ty (12/10/2017), trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2017 đến ngày 02/01/2018, bị cáo H đã mua gạo nhưng không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần, chiếm đoạt của 26 người với số tiền 20.736.654.730 đồng, trong đó:

- Mua nhiều lần chỉ thanh toán một phần, chiếm đoạt của 08 người với số tiền 12.055.845.360 đồng.

- Mua một lần chỉ thanh toán một phần, chiếm đoạt của 10 người với số tiền 3.999.362.970 đồng.

- Mua một lần không thanh toán, chiếm đoạt của 06 người với số tiền 1.963.215.600 đồng.

- Mua nhiều lần không thanh toán, chiếm đoạt của 02 người với số tiền 2.718.230.800 đồng.

Số tiền từng người bị chiếm đoạt như sau:

1. Sầm Văn P: Bị chiếm đoạt số tiền 6.727.968.170 đồng theo các phiếu mua hàng từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 7.863.942.170 đồng, bị cáo Hàn Thị Thu H chuyển trả 04 lần được 1.135.974.000 đồng).

2. Lê Thị Thu H7: Bị chiếm đoạt 620.370.340 đồng theo các phiếu mua hàng vào các ngày 25/10/2017, 29/10/2017 và 01/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 820.370.340 đồng, được Lê Thị Lệ H4 trả 100.000.000 đồng, Phan Minh T2 trả 100.000.000 đồng).

3. Nguyễn Thị L2: Bị chiếm đoạt 615.374.400 đồng theo các phiếu mua hàng ngày 27/10/2017 và 03/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 965.374.400 đồng, bị cáo H4 chuyển trả nhiều lần được 350.000.000 đồng).

4. Võ Hoàng T4 (T): Bị chiếm đoạt 552.869.600 đồng theo các phiếu mua hàng ngày 30/10/2017, 12/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 952.869.600 đồng, bị cáo H4 chuyển khoản trả 02 lần được 400.000.000 đồng).

5. Nguyễn Văn N: Bị chiếm đoạt 1.004.338.000 đồng theo phiếu mua hàng ngày 16/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 1.250.338.000 đồng, bị cáo H4 chuyển trả được 246.000.000 đồng).

6. Đào Thị Ngọc N1: Bị chiếm đoạt 1.230.819.000 đồng theo các phiếu mua hàng ngày 15/11/2017, 16/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 1.529.819.000 đồng, bị cáo H4 chuyển trả được 299.000.000 đồng).

7. Nguyễn Văn T5: Bị chiếm đoạt 872.984.850 đồng theo các phiếu mua hàng ngày 15/11/2017 (02 phiếu), 29/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 1.026.199.250 đồng, bị cáo H4 chuyển trả được 153.214.400 đồng).

8. Nguyễn Hữu T6: Bị chiếm đoạt 431.121.000 đồng theo các phiếu mua hàng ngày 05/11/2017, 02/01/2018 (tổng số tiền bán gạo là 631.121.000 đồng, bị cáo H4 chuyển khoản chi trả 02 lần được 200.000.000 đồng).

9. Dương Minh K: Bị chiếm đoạt số tiền 1.075.245.920 đồng theo phiếu mua hàng ngày 05/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 1.325.245.920 đồng, bị cáo H4 chuyển trả 02 lần được 250.000.000 đồng).

10. Trần Thị P1: Bị chiếm đoạt số tiền 945.043.800 đồng theo phiếu mua hàng ngày 15/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 1.175.043.800 đồng, bị cáo H4 chuyển trả 02 lần được 230.000.000 đồng).

11. Quách Văn C: Bị chiếm đoạt số tiền 207.486.150 đồng theo phiếu mua hàng ngày 28/10/2017 (tổng số tiền bán gạo là 357.486.150 đồng, bị cáo H4 chuyển trả 02 lần được 150.000.000 đồng).

12. Võ Văn T7: Bị chiếm đoạt 420.643.760 đồng theo phiếu mua hàng ngày 06/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 520.643.760 đồng, bị cáo H4 cho ứng trước 100.000.000 đồng).

13. Đinh Tân K1: Bị chiếm đoạt số tiền 100.911.600 đồng theo phiếu mua hàng ngày 08/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 618.911.600 đồng, bị cáo H4 chuyển khoản chi trả 05 lần được 518.000.000 đồng).

14. Trần Văn K2: Bị chiếm đoạt số tiền 455.345.160 đồng (364.345.160 đồng) theo phiếu mua hàng ngày 14/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 545.345.160 đồng, bị cáo H4 chuyển trả được 90.000.000 đồng).

15. Trương Thị Diễm K3: Bị chiếm đoạt số tiền 79.158.800 đồng theo phiếu mua hàng ngày 14/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 179.158.800 đồng, bị cáo H4 chuyển khoản trả 100.000.000 đồng).

16. Nguyễn Thị Mỹ H8: Bị chiếm đoạt số tiền 384.140.200 đồng theo phiếu mua hàng ngày 16/11/2017 (số tiền bán gạo là 479.140.200 đồng, bị cáo H4 chuyển trả 02 lần được 95.000.000 đồng).

17. Nguyễn Thanh Ý: Bị chiếm đoạt số tiền 183.580.000 đồng (183.303.000 đồng) theo phiếu mua hàng ngày 16/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 249.580.000 đồng, bị cáo H4 chuyển trả được 66.000.000 đồng).

18. Thái Thành Đ: Bị chiếm đoạt 239.084.780 đồng theo phiếu mua hàng ngày 07/11/2017 (tổng số tiền bán gạo là 341.084.780 đồng, được Lê Thị Lệ H4 cho ứng trước 2.000.000 đồng, Phan Minh T2 chuyển trả được 100.000.000 đồng).

19. Nguyễn Thị N2: Bị chiếm đoạt 448.199.800 đồng theo phiếu mua hàng ngày 03/11/2017 (mua 01 lần không thanh toán).

20. Nguyễn Văn Đ1: Bị chiếm đoạt 318.202.500 đồng theo phiếu mua hàng ngày 12/11/2017 (mua lần đầu không thanh toán).

21. Nguyễn Khắc N3: Bị chiếm đoạt 524.959.950 đồng theo phiếu mua hàng ngày 13/11/2017 (mua 01 lần không thanh toán).

22. Huỳnh Ngọc Đ2: Bị chiếm đoạt 226.128.400 đồng theo phiếu mua hàng ngày 16/11/2017 (mua 01 lần không thanh toán).

23. Giàu T: Bị chiếm đoạt 174.306.150 đồng theo phiếu mua hàng ngày 16/11/2017 (mua 01 lần không thanh toán).

24. Nguyễn Hồng S1: Bị chiếm đoạt số tiền 271.418.000 đồng theo phiếu mua hàng ngày 26/11/2017 (mua 01 lần không thanh toán).

25. Quách Minh M: Bị chiếm đoạt số tiền 1.688.818.000 đồng theo phiếu mua hàng vào các ngày 06/11/2017, 10/11/2017, 13/11/2017, 14/11/2017.

26. Lê Văn G: Bị chiếm đoạt số tiền 1.029.412.800 đồng theo phiếu mua hàng vào các ngày 22/11/2017, 25/11/2017.

Tất cả 26 người bị hại nêu trên đều khai: Sau khi bán gạo, họ đã nhiều lần điện thoại liên lạc với bị cáo H4 theo số điện thoại ghi trên Phiếu mua hàng là 0906.211.072 để đòi tiền, nhưng bị cáo H4 chỉ hứa hẹn rồi tắt máy điện thoại.

- **Hành vi thứ 2:** Trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2017 đến cuối năm 2017, thông qua việc bán gạo, cám, bị cáo H4 đã tạm ứng và chiếm đoạt của 02 người với số tiền 1.284.000.000 đồng, cụ thể là:

1. Đỗ Công H9: Vào các ngày 02/11/2017, 13/11/2017, 15/11/2017 và 06/12/2017 bị cáo H4 tạm ứng của ông Đỗ Công H9 số tiền 1.010.000.000 đồng nhưng không giao cám cho ông H9, chiếm đoạt toàn bộ số tiền này; vì toàn bộ số gạo bị cáo H4 mua của các bị hại đều chở ra phía Bắc bán như đã nêu trên nên không có cám để giao cho ông H9.

2. Cao Thị O: Cuối năm 2017, bị cáo H4 thỏa thuận bán cho bà Cao Thị O 60 tấn gạo với số tiền 548.000.000 đồng, bị cáo đã nhận đủ số tiền này nhưng chỉ giao cho bà O 30 tấn trị giá 274.000.000 đồng, còn lại 30 tấn không giao, chiếm đoạt của bà O số tiền 274.000.000 đồng.

- **Hành vi thứ 3:** Trong khoảng thời gian từ ngày 01 đến ngày 22/11/2017, bị cáo H4 mua “Bao chứa gạo” của anh Phan Văn X với số tiền 144.950.000 đồng nhưng bị cáo chỉ thanh toán 50.000.000 đồng, còn lại 94.950.000 đồng bị cáo chiếm đoạt.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thu giữ:

- 01 tập tài liệu (bản photocopy) gồm: Danh sách phương tiện vận chuyển gạo cho Công ty T8, Biên bản giao nhận gạo vận chuyển đi bán của Công ty T8, do ông Trần Quốc H5 - Nhân viên kiểm tra gạo mua vào và xuất kho của Công ty T8 giao nộp.

- 01 tập tài liệu (bản chính) gồm Phiếu thu, Phiếu chi và Phiếu xuất kho của Công ty T8, Giấy nhận gạo của tài xế vận chuyển gạo thuê, do bị hại Lê Văn G thu nhặt được tại Công ty T8 và giao nộp.

- 04 đĩa CD chứa các tập tin nội dung ghi âm cuộc điện thoại giữa bị cáo Hàn Thị Thu H với các bị hại Võ Hoàng T4, Đinh Tấn K1, Huỳnh Ngọc Đ2, Trương Thị Diễm K3, do các bị hại này giao nộp.

- 05 đĩa CD chứa các tập tin nội dung tin nhắn trên điện thoại di động (kèm theo bản in nội dung tin nhắn) giữa bị cáo Hàn Thị Thu H với các bị hại Sầm Văn P, Võ Văn T7, Nguyễn Văn T5, Dương Minh K, Quách Minh M, do các bị hại này giao nộp.

- 01 bản ảnh phương tiện vận chuyển gạo tại Công ty T8 và 01 bản in nội dung tin nhắn giữa bị cáo Hàn Thị Thu H với bị hại Nguyễn Khắc N3, do bị hại này giao nộp.

Những tài liệu, đồ vật này Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Việc thu giữ, kê biên tài sản: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm tài sản của bị cáo H để thu giữ, kê biên nhằm bảo đảm thi hành án cho các bị hại nhưng bị cáo đã chuyển nhượng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho người khác trước khi bị khởi tố, bắt giam nên Cơ quan điều tra không có thu giữ, kê biên tài sản gì của bị cáo.

Về khắc phục hậu quả: Trong quá trình điều tra, bị cáo H xác định mình không có khả năng khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSĐT-P1 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Hàn Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hàn Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Hàn Thị Thu H tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 282, khoản 1 Điều 289, Điều 319 và Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận việc rút một phần quyết định truy tố tại Cáo trạng số 12/CT-VKSĐT-P1 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng

Tháp đối với bị cáo Hàn Thị Thu H về hành vi bị cáo H mua “Bao chứa gạo” của anh Phan Văn X.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Hàn Thị Thu H phần truy tố về hành vi bị cáo Hàn Thị Thu H mua “Bao chứa gạo” của anh Phan Văn X.

Khoản nợ của bị cáo Hàn Thị Thu H đối với anh Phan Văn X sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật nếu anh X có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 25/8/2022, bị cáo Hàn Thị Thu H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H trình bày: Bị cáo có chuyển trả tiền nhiều lần cho ông L1 lên đến số tiền 10 tỷ đồng để mua gạo của ông L1 chứ không phải chuyển cho ông L1 mua gạo của người khác. Việc cấp sơ thẩm xác định ông L1 là cò gạo là không đúng, cần làm rõ vai trò của ông L1. Bà Cao Thị O còn nợ bị cáo hơn 3 tỷ đồng tiền mua gạo, nhưng bản án sơ thẩm lại buộc bị cáo trả cho bà O 274 triệu đồng là không đúng. Bà Lê Thị Lệ H4 có lấy tiền của bị cáo để trả cho ông G nhưng giờ vẫn còn nợ nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền bà H4 lấy của bị cáo để trả cho ông G. Cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần là không đúng. Bản án sơ thẩm quy kết buộc bị cáo trả tổng số tiền là không đúng vì chưa đối chiếu công nợ. Bị cáo không có nói với ai là đã mua kho Đông Á vì bị cáo không biết 28 người bị hại là ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Ngay từ đầu bị cáo H4 đã thực hiện hành vi gian dối là lập không hồ sơ đăng ký thành lập Công ty T8 với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng và nói dối với các tiểu thương đã mua lại kho Long Hải của Công ty cổ phần T9 với số tiền 28 tỷ đồng để các tiểu thương tin tưởng vào năng lực tài chính của bị cáo, từ đó họ đồng ý bán hàng hóa cho bị cáo thiếu nợ từ 03 đến 10 ngày hoặc cho ứng tiền trước. Sau khi nhận hàng và tiền, bị cáo chiếm đoạt rồi bỏ trốn, lúc này các bị hại mới biết thực chất Công ty của bị cáo không có tài sản để khắc phục hậu quả. Cụ thể, từ tháng 10/2017 đến tháng 01/2018, bị cáo Thu H đã mua gạo của 26 người với số tiền 20.736.654.730 đồng, tạm ứng tiền bán cám và gạo của 02 người với số tiền 1.284.700.000 đồng. Sau khi mua gạo, bị cáo đã mang đi bán lấy tiền nhưng không thanh toán tiền mua gạo cho người bán. Sau khi ứng tiền bán cám và gạo, bị cáo Thu H cũng không giao hàng cho người mua như đã hứa hẹn, chiếm đoạt của 28 người với tổng số tiền là 21.021.354.730 đồng. Sau khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 28 người bị hại, bị cáo Thu H bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh và nơi cư trú, đến ngày 18/10/2019 thì bị bắt giữ.

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan.

Về hình phạt: Bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo và tuyên phạt bị cáo mức án chung thân là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không đưa ra được tình tiết chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H phát biểu ý kiến như sau:

- Luật sư Trịnh Bá T trình bày: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc làm phát sinh nợ là do ông Hàn Trúc L và Lê Thị Lệ H4 thực hiện, chưa làm rõ được khoản tiền mà bị cáo chiếm đoạt của từng bị hại là bao nhiêu, bị cáo không có hành vi lừa dối đối với những khách hàng, đây là giao dịch dân sự. Bị cáo không có văn bản nào ủy quyền cho Lê Thị Lệ H4 đi mua gạo, cũng chưa làm rõ số tiền mua gạo của các bị hại như thế nào, công nợ còn bao nhiêu, đã trả được bao nhiêu. Đề nghị hủy án giao về cho cấp sơ thẩm điều tra truy tố xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

- Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 trình bày: Cấp sơ thẩm chưa cho đối chất để làm rõ mua bán bao nhiêu tiền, đã trả được bao nhiêu tiền, trả cho ai. Bị cáo có khai là đã chuyển tiền cho bà Lê Thị Lệ H4, ông Sầm Văn P để đi thu mua gạo nhưng lại chưa cho đối chất để làm rõ vấn đề này.

Bị cáo Hàn Thị Thu H không bổ sung gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Hàn Thị Thu H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hàn Thị Thu H mua gạo thiếu của 28 người bị hại nên bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo bị oan. Xét lời khai của bị cáo và căn cứ vào lời khai của ông Hàn Đức L3 (là chú ruột của bị cáo), bà Lê Thị Lệ H4, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Hàn Thị Thu H là người đứng ra thành lập Công ty T8 (có trụ sở tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) nhưng khi làm thủ tục đăng ký thành lập công ty, bị cáo để 02 thành viên góp vốn là ông Vũ Tuấn H2 (con trai của bị cáo) và ông Hàn Trúc L (là chú ruột của bị cáo) với số vốn 10 tỷ đồng, nhưng trên thực

tế hai người này không góp vốn. Sau khi thành lập Công ty, bị cáo H không trực tiếp đứng tên Giám đốc Công ty mà nhờ ông H3 Trúc Long đứng tên Giám đốc thay cho bị cáo. Thực tế công việc của ông L được bị cáo thuê làm là quản lý kho, theo dõi nhập gạo mua vào và xuất bán ra, với mức lương 06 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, bị cáo còn thuê Lê Thị Lệ H4 (vợ của ông L) làm thủ quỹ, nấu cơm với mức lương 05 triệu đồng/tháng, Huỳnh Trung T1 làm Kế toán, Phan Minh T2 làm Kế toán (sau khi T1 nghỉ việc), Phan Văn T3 làm kỹ thuật máy, Trần Quốc H5 làm nhiệm vụ kiểm tra gạo mua vào và xuất kho, Kiều Minh Q làm pháp chế, Trần Đức S làm quản lý. Còn bị cáo đứng phía sau trực tiếp điều hành tất cả mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, quyết định việc mua bán gạo và thanh toán tiền cho khách hàng. Để tạo lòng tin cho những người bị hại bị cáo còn nói mình đã mua kho của Công ty T9 để tạo lòng tin cho những người bị hại.

Quá trình hoạt động kinh doanh, bị cáo H4 có đến Công ty T8 vài lần để điều hành mua bán gạo, sau đó bị cáo điều hành từ xa bằng điện thoại di động của bị cáo có số thuê bao là 0906211072. Thời gian đầu, bị cáo H4 giao cho ông Phan Văn T3 đứng ra mua gạo và trả bằng tiền mặt, không nợ. Thời gian sau, bị cáo H4 giao cho bà Lê Thị Lệ H4 đứng ra mua, khi mua phải báo cho bị cáo H4 biết.

Trong thời gian bà Lê Thị Lệ H4 đứng ra mua gạo, thời gian đầu mua bằng tiền mặt, thời gian sau thì bị cáo H4 chỉ đạo bà Lê Thị Lệ H4 mua gạo nợ của ông Sầm Văn P, Nguyễn Hoàng L1 và những người khác. Khi mua gạo nợ bà Lê H4 phải ghi số lượng gạo và giá tiền trên “Phiếu mua hàng” của Công ty, đồng thời phải báo cáo cho bị cáo H4 biết.

Khi mua gạo nợ, bị cáo H4 hẹn trong thời gian từ 03 đến 10 ngày sau sẽ thanh toán đủ cho người bán, đồng thời mua cao hơn giá thị trường từ 50 đồng đến 200 đồng/kg, nên có nhiều người đem gạo đến bán cho bị cáo H4 thông qua bà Lê Thị Lệ H4 hoặc thông qua “cò gạo”. Sau khi nhận gạo, bị cáo H4 chỉ trả cho mỗi khách hàng một số tiền nhất định, số tiền còn lại không thanh toán.

Toàn bộ số gạo mua được, bị cáo H4 thuê phương tiện vận chuyển ra các tỉnh phía Bắc bán cho Doanh nghiệp của bà Hà Thị Á ở tỉnh Quảng Bình, vừa gạo Chiến Oanh của bà Cao Thị O ở tỉnh Nghệ An và Công ty S3 của ông Nguyễn Công H6 ở tỉnh Thanh Hóa. Bên mua đã thanh toán đầy đủ tiền mua gạo cho bị cáo H4, nhưng bị cáo không thanh toán tiền mua gạo cho những người bị hại mà bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh và nơi cư trú, thay đổi số điện thoại để trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho những người bị hại. Ngoài ra, bị cáo H4 còn tạm ứng trước tiền bán gạo, cám và mua bao chứa gạo của người khác nhưng không giao hàng và thanh toán tiền cho họ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H4 cho rằng sở dĩ không thanh toán được số tiền còn nợ của những người bị hại là do bà Á, bà O và ông H6 còn nợ tiền mua gạo của bị cáo khoảng 16 tỷ đồng, nhưng bị cáo không xuất trình được chứng cứ

chứng minh. Mặt khác, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện những người mua gạo đã chuyển khoản, trả tiền mặt đủ cho bị cáo; thậm chí bà O còn tố cáo bị cáo đã tạm ứng của bà 274 triệu đồng tiền mua bán gạo nhưng không giao gạo, chiếm đoạt của bà O 274 triệu đồng.

Như vậy, ngay từ giai đoạn thành lập Công ty T8, bị cáo H4 đã có thủ đoạn gian dối là kê không vốn góp, không trực tiếp đứng tên người đại diện theo pháp luật của công ty; sử dụng điện thoại, hệ thống camera, điều hành từ xa, chỉ đạo bà Lê Thị Lệ H4 việc mua bán gạo thiếu của các khách hàng; sau khi nhận được gạo, bị cáo thuê xe tải chở ra các tỉnh phía Bắc bán cho người khác nhưng không trả tiền cho những người bán gạo; sau đó cắt đứt mọi liên lạc, bỏ trốn khỏi nơi cư trú và địa điểm kinh doanh. Bằng các thủ đoạn nêu trên, bị cáo Hàn Thị Thu H đã chiếm đoạt của 28 người bị hại với số tiền 21.021.354.730 đồng.

Hàn Thị Thu H là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội và sẽ bị pháp luật trừng trị. Nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Với những hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo. Cụ thể:

Trong một thời gian ngắn, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của rất nhiều người, số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, các lần phạm tội này chưa bị xét xử và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mức án chung thân mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Hàn Thị Thu H là phù hợp với tính chất mức độ hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo Hàn Thị Thu H, đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hàn Thị Thu H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hàn Thị Thu H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hàn Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Hàn Thị Thu H tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 288, Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Hàn Thị Thu H phải bồi thường cho 28 người bị hại với tổng số tiền là 21.021.354.730 đồng. Cụ thể:

1. Ông Sầm Văn P: 6.727.968.170 đồng;
2. Bà Lê Thị Thu H7: 620.370.340 đồng;
3. Bà Nguyễn Thị L2: 615.374.400 đồng;
4. Ông Võ Hoàng T4 (Tư Mập): 552.869.600 đồng;
5. Ông Nguyễn Văn N: 1.004.338.000 đồng;
6. Bà Đào Thị Ngọc N1: 1.230.819.000 đồng;
7. Ông Nguyễn Văn T5: 872.984.850 đồng;
8. Ông Nguyễn Hữu T6: 431.121.000 đồng;
9. Ông Dương Minh K: 1.075.245.920 đồng;
10. Bà Trần Thị P1: 945.043.800 đồng;
11. Ông Quách Văn C: 207.486.150 đồng;

12. Ông Võ Văn T7: 420.643.760 đồng;
13. Ông Đinh Tấn K1: 100.911.600 đồng;
14. Ông Trần Văn K2: 364.345.160 đồng;
15. Bà Trương Thị Diễm K3: 79.158.800 đồng;
16. Bà Nguyễn Thị Mỹ H8: 384.140.000 đồng;
17. Ông Nguyễn Thanh Ý: 183.303.000 đồng;
18. Ông Thái Thành Đ: 239.084.780 đồng;
19. Bà Nguyễn Thị N2: 448.199.800 đồng;
20. Ông Nguyễn Văn Đ1: 318.202.500 đồng;
21. Ông Nguyễn Khắc N3: 524.959.950 đồng;
22. Ông Huỳnh Ngọc Đ2: 226.128.400 đồng;
23. Ông Giàu Thanh S2: 174.306.150 đồng;
24. Ông Nguyễn Hồng S1: 271.418.800 đồng;
25. Ông Quách Minh M: 1.688.818.000 đồng;
26. Ông Lê Văn G: 1.029.412.800 đồng;
27. Ông Đỗ Công H9: 1.010.000.000 đồng;
28. Bà Cao Thị O: 274.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Hàn Thị Thu H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa